

Số: 128 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 8 năm 2012

## BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách giáp Tây Nguyên  
và kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách mới giai đoạn 2012-2020  
của 06 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi**

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

CV ĐẾN	Số:.....1577.....
	Ngày: 13/8/2012.....
	Chuyên:.....Thực hiện Công văn số 4888/BKHĐT-KTĐPLT ngày 06 tháng 7 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng chính sách đặc thù liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên theo Kết luận số 12-KL/TW ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xin báo cáo việc thực hiện một số chính sách theo Công văn số 588/TTg-ĐP ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ được áp dụng một số chính sách hiện đang thực hiện tại các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 25/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh như sau:

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

#### 1. Điều kiện tự nhiên

Quảng Ngãi là một trong những tỉnh nghèo ở vùng duyên hải miền Trung, phía Bắc giáp với tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp với tỉnh Bình Định, phía Tây giáp với tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp với biển Đông. Tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 5.152,67km<sup>2</sup>; dân số hiện nay là 1.218.621 người.

Toàn tỉnh có 14 huyện, thành phố, trong đó có 06 huyện miền núi, 01 huyện đảo, 06 huyện đồng bằng và 01 thành phố. Cả 06/06 huyện miền núi thuộc vào danh sách 62 huyện nghèo đang thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ và được thực hiện các cơ chế, chính sách giáp Tây Nguyên theo Công văn số 588/TTg-ĐP ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Diện tích đất tự nhiên của 06 huyện miền núi là 3.244,66 km<sup>2</sup>, chiếm 62% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh. Địa hình 06 huyện miền núi khá phức tạp, thấp dần từ Tây sang Đông, nhiều đồi núi cao, bị chia cắt bởi nhiều sông suối, mùa mưa thường xảy ra sạt lở lớn, mùa nắng thường bị khô hạn kéo dài, diện tích đất canh tác ít, điều kiện canh tác nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, vì vậy đời sống của người dân nơi đây còn gặp nhiều khó khăn.

#### 2. Tình hình kinh tế - xã hội

Dân số 06 huyện miền núi hiện có 207.080 người, chiếm 16,51% dân số của toàn tỉnh, trong đó có 162.237 người là đồng bào các dân tộc thiểu số, bao gồm các dân tộc: Hre, Cor, Ca dong và một số dân tộc thiểu số khác, chiếm 80,50% dân số của vùng và khoảng 13% so với tổng dân số toàn tỉnh.

Tỉ lệ hộ nghèo của 06 huyện miền núi tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2012 là 55,12%, dự kiến đến 31 tháng 12 năm 2012 giảm còn 48,52% (trong đó huyện có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất là Tây Trà: 65% và huyện thấp nhất là Ba Tơ: 39,28%).

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HIỆN ĐANG THỰC HIỆN TẠI CÁC TỈNH TÂY NGUYÊN THEO CÔNG VĂN SỐ 588/TTG-ĐP CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI**

### **1. Chính sách hỗ trợ giáo viên đến làm việc lâu dài tại các thôn, buôn ở các xã đặc biệt khó khăn**

#### **a) Chính sách đã thực hiện:**

Hiện nay, 06 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi đang thực hiện các chế độ đối với giáo viên theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt và ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, với mức phụ cấp ưu đãi bằng 70% lương cơ bản, phụ cấp chức vụ, khu vực và phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thu hút bằng 70% lương cơ bản, phụ cấp chức vụ, khu vực và phụ cấp thâm niên vượt khung đối với giáo viên công tác ở vùng đặc biệt khó khăn, nhưng thời gian được hưởng không quá 5 năm kể từ ngày đến vùng đặc biệt khó khăn nhận công tác.

#### **b) Chính sách chưa được thực hiện:**

Căn cứ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đối với các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt và ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì Quảng Ngãi chưa thực hiện được một số chế độ sau:

- Phụ cấp dạy bằng tiếng và chữ viết của người dân tộc thiểu số.
- Phụ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và nước sạch.
- Chưa được hưởng phụ cấp bằng 50% so với mức lương tối thiểu chung đối với giáo viên mầm non, mẫu giáo thôn, bản ở xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn được quy định tại Quyết định số 113/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 24/2008/QĐ-TTg; số 25/2008/QĐ-TTg; số 26/2008/QĐ-TTg; số 27/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về một cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội đối với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, trung du và miền núi phía Bắc Bộ đến năm 2010.
- Thời gian luân chuyển giáo viên vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 61/2006/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đối với các nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt và ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa được thực hiện triệt để.
- Giáo viên các nơi khác đến làm việc lâu dài tại các thôn, bản ở các xã đặc biệt khó khăn chưa được hưởng chế độ hỗ trợ giải quyết nhà ở; cấp đất sản

xuất, đất ở, hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Chính sách hỗ trợ cán bộ y tế đến làm việc lâu dài tại các thôn, buôn ở các xã đặc biệt khó khăn**

Hiện nay, cán bộ y tế đến làm việc lâu dài tại các thôn, buôn ở các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh được hỗ trợ phụ cấp ưu đãi và thu hút theo Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định 64/2009/NĐ-CP và đã thực hiện chi trả 48.069,291 triệu đồng. Tuy nhiên, tỉnh chưa thực hiện hỗ trợ nhà ở cho cán bộ y tế đến công tác lâu dài tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn vì chưa có kinh phí.

## **3. Tình hình thực hiện một số đề án đang thực hiện tại các tỉnh Tây Nguyên đối với 06 huyện được hưởng chính sách giáp Tây Nguyên của tỉnh Quảng Ngãi**

a) Đề án Phát triển hoạt động văn hóa thông tin, truyền hình, truyền thanh cơ sở nâng cao năng lực phủ sóng cơ sở theo Quyết định số 25/2004/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ:

- Phát triển hoạt động văn hóa thông tin: trong những năm qua, bằng nhiều nguồn vốn được đầu tư trên địa bàn 06 huyện miền núi như Chương trình 135-II, Chương trình Hỗ trợ thực hiện Chương trình 135-II (ISP)... tỉnh đã đầu tư xây dựng được một số nhà sinh hoạt cộng đồng tại các thôn, xã đặc biệt khó khăn, nhằm tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số có nơi sinh hoạt văn hóa, tổ chức lễ hội góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn. Tuy nhiên, các nguồn vốn đầu tư này còn quá thấp so với nhu cầu thực tế của địa phương. Bên cạnh đó, nguồn vốn đầu tư từ đề án chưa được bố trí nên việc đầu tư xây dựng để mỗi xã có một nhà văn hóa, mỗi thôn có một nhà sinh hoạt cộng đồng vẫn chưa thực hiện được nên rất khó khăn trong việc tổ chức họp thôn, triển khai các chính sách của Đảng và Nhà nước, tổ chức lễ hội và sinh hoạt.

- Nâng cao năng lực phủ sóng truyền thanh cơ sở: từ nguồn vốn ngân sách của Trung ương, địa phương, hệ thống phủ sóng truyền thanh được mở rộng đến vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, chất lượng các bản tin ngày càng đa dạng và chất lượng, đặc biệt là bản tin tiếng dân tộc được hình thành và thường xuyên phát sóng, nhằm tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến tận người dân. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số vùng lõm của các xã đặc biệt khó khăn ở các huyện miền núi thông tin truyền thanh, truyền hình vẫn chưa đến được với người dân.

b) Dự án cấp điện cho các thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số chưa có điện tại địa phương hiện nay chưa được đầu tư xây dựng, chỉ có một số công trình điện sinh hoạt có quy mô nhỏ được đầu tư từ nguồn vốn Chương trình 135, 30a... Hiện nay, số thôn đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa của 06 huyện miền núi chưa có mạng lưới điện quốc gia là rất lớn nên rất cần sự đầu tư

của dự án để tạo điều kiện cho nhân dân có nguồn điện sinh hoạt và sản xuất, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Ngày 14 tháng 3 năm 2011, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 378/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp điện cho các thôn thuộc các xã được hưởng Chính sách như các tỉnh Tây nguyên của 06 huyện miền núi thuộc tỉnh Quảng Ngãi, với tổng mức đầu tư 310.514,0 triệu đồng từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh đã có văn bản gửi Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Thủ tướng Chính phủ đề nghị xem xét bố trí vốn thực hiện. Thủ tướng Chính phủ đã có văn bản giao và Bộ Công Thương đã hướng dẫn tỉnh Quảng Ngãi lập dự án. Hiện nay tỉnh đang triển khai theo quy định và đề nghị Trung ương xem xét bố trí kinh phí để thực hiện dự án.

c) Đề án phát triển thủy lợi vừa và nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa: năm 2010, tỉnh Quảng Ngãi được Trung ương phân bổ 44 tỉ đồng để đầu tư thực hiện một số công trình thủy lợi quy mô nhỏ, nhằm phục vụ sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa của 06 huyện miền núi. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai nguồn vốn này bình quân 7,4 tỉ/huyện và lồng ghép với các nguồn vốn khác như ngân sách tỉnh, 30a để đầu tư xây dựng công trình. Các công trình này đã hoàn thành từ đầu năm 2011 và đang phát huy hiệu quả. Ngoài ra, Trung ương không phân bổ vốn để tiếp tục thực hiện theo đề án.

Bên cạnh đó, để phục vụ sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn của 06 huyện giáp Tây Nguyên, từ các nguồn vốn như thủy lợi phí, Chương trình 135-II, 30a, ISP, khắc phục lũ lụt, ngân sách địa phương..., Ủy ban nhân dân các huyện đã đầu tư xây dựng, nâng cấp được một số công trình thủy lợi có quy mô nhỏ đáp ứng một phần nước tưới, nhằm ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, địa bàn miền núi của tỉnh rất hiểm trở và độ dốc lớn, nhu cầu đầu tư để xây dựng các công trình thủy lợi rất lớn, suất đầu tư cao nhưng các nguồn vốn này chỉ đáp ứng một phần, nên rất cần sự quan tâm, hỗ trợ của Trung ương để thực hiện đề án này.

d) Đề án ổn định, phát triển sản xuất và đời sống cho các hộ tái định cư do di dời khi xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi: hiện nay trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây dựng một số công trình thủy điện, tuy nhiên nguồn vốn đầu tư để tái định cư cho người dân rất ít hoặc không có, nên ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân. Đây là vấn đề rất bức thiết hiện nay của địa phương nhưng chưa có nguồn vốn để đầu tư, rất cần sự đầu tư của Trung ương.

e) Kết quả rà soát, đánh giá các chính sách:

STT	Hình thức văn bản Nội dung cơ chế chính sách	Cơ quan ban hành	Điểm mạnh	Điểm yếu	Phạm vi tác động	
					Tích cực	Tiêu cực
I	<i>Cơ chế chính sách Trung ương ban hành</i>					

1	Quyết định 25/2008/QĐ-TTg	TTCP	- Hỗ trợ cho giáo viên, cán bộ y tế đến làm việc lâu dài tại các thôn thuộc xã ĐBKK ổn định cuộc sống. Giáo viên được hưởng chế độ theo Nghị định 61/2006/NĐ-CP của Chính phủ - Phát triển hoạt động văn hóa - thông tin vùng Tây Nguyên		x	
2	Quyết định 210/2006/QĐ-TTg	TTCP		Chưa hỗ trợ 100% vốn đối ứng ODA		
<b>II</b>	<b>Cơ chế chính sách do tỉnh ban hành</b>					
1	Quyết định 295/QĐ-UBND ngày 28/02/2008	UBND tỉnh	QH tổng thể phát triển KTXH m.núi bao gồm các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế, cơ sở hạ tầng... tạo các điều kiện cần thiết và định hướng kế hoạch cho các huyện thực hiện		x	
2	Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 19/01/2010	UBND tỉnh	Phát triển XH hóa hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến 2020		x	

g) Đề xuất sửa đổi một số cơ chế, chính sách:

STT	Hình thức văn bản/ Nội dung cơ chế chính sách	Đơn vị chủ trì	Lý do đề xuất	Mục tiêu của cơ chế, chính sách	Đối tượng thụ hưởng
1	Nghị định 116/2010/NĐ-CP ngày 24/10/2010 về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Chính phủ	Thị trấn của huyện nghèo không thuộc đối tượng thụ hưởng của NĐ116 là không phù hợp, vì chưa đủ tiêu chí của đô thị loại V	Bổ sung thị trấn huyện nghèo được thụ hưởng chính sách theo NĐ116	Cán bộ, công chức
2	Thông tư 10/2009/TTLT ngày 30/10/2009 quy định lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ	Bộ KHĐT	Quy định về nguồn vốn hỗ trợ thực hiện một số mục tiêu của Nghị quyết 30a, từ nguồn vốn chương trình khác, nên không khả thi	Đảm bảo tính pháp lý và khả thi của một số chính sách trong Nghị quyết 30a	Các huyện nghèo theo NQ30a
3	Quyết định 25/2004/QĐ-TTg v/v phát triển hoạt động văn hóa - thông tin vùng Tây Nguyên	Bộ VHNT-DL	Một số chính sách không còn phù hợp với giai đoạn hiện nay	Sửa đổi chính sách cho phù hợp với giai đoạn hiện nay	Các địa phương vùng T.Nguyên và giáp T.nguyên

### III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT BỔ SUNG CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

Các cơ chế, chính sách được áp dụng thực hiện trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh là rất cần thiết để tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, từng bước giảm nghèo bền vững. Tuy nhiên, quá trình thực hiện từ năm 2009 đến nay cho thấy, nguồn vốn đầu tư theo các cơ chế, chính sách này quá thấp nên chưa thật sự tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của 06 huyện miền núi của tỉnh, chưa giải quyết được các mục tiêu đề ra. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị, đề xuất bổ sung một số cơ chế, chính sách như sau:

1. Tiếp tục cho 06 huyện miền núi của tỉnh được thực hiện một số chính sách đang được thực hiện tại các tỉnh Tây Nguyên theo Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ:

- Chính sách hỗ trợ giáo viên, cán bộ y tế đến làm việc lâu dài tại các thôn, bản ở các xã đặc biệt khó khăn;

- Hỗ trợ 100% vốn đối ứng cho các dự án ODA do địa phương quản lý.

2. Tăng cường vốn đầu tư cho chương trình trong giai đoạn 2012 - 2020 nhằm đầu tư xây dựng các đề án, dự án:

- Triển khai thực hiện dự án cấp điện cho các thôn, bản đồng bào dân tộc thiểu số chưa có điện (nhu cầu của tỉnh Quảng Ngãi cần đầu tư xây dựng công trình điện cho các thôn, bản đặc biệt khó khăn của 06 huyện miền núi với tổng mức đầu tư 310.514 triệu đồng).

- Đề án phát triển thủy lợi vừa và nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Đề án ổn định, phát triển sản xuất và đời sống cho các hộ tái định cư do di dời khi xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Quyết định số 25/2004/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Phát triển hoạt động văn hóa - thông tin vùng Tây Nguyên đến năm 2010" và Đề án "Nâng cao năng lực phủ sóng truyền thanh cơ sở các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2006 - 2008" và điều chỉnh phù hợp với giai đoạn hiện nay.

3. Bên cạnh đó cần bổ sung một số cơ chế, chính sách:

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nâng cao năng lực đội ngũ y tế ở cơ sở để đảm bảo phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân, góp phần nâng cao thể lực cho nhân dân.

- Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã, trang thiết bị làm việc các xã đặc biệt khó khăn để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy chính quyền cơ sở.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, bên cạnh đó ưu tiên các học sinh là đồng

bào dân tộc thiểu số tốt nghiệp trung học phổ thông được ưu tiên cử tuyển vào các trường đại học, dự bị đại học, các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp để tăng cường đội ngũ cán bộ cơ sở và sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số tại chỗ để tham gia vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Bổ sung chính sách cũng như nguồn kinh phí thực hiện định canh - định cư đối với những khu vực dân cư nằm trong vùng có nguy cơ bị sạt lở núi để đảm bảo an toàn toàn cho nhân dân trong mùa mưa lũ, góp phần ổn định đời sống của nhân dân.

- Bổ sung chính sách về đầu tư hạ tầng giao thông các tuyến đường liên huyện, liên xã, liên thôn góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh - quốc phòng.

- Hỗ trợ giải quyết nhà ở cho giáo viên, cán bộ y tế đến làm việc lâu dài tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ 50% mức lương cơ bản cho giáo viên mầm non, mẫu giáo và y tế thôn bản theo Quyết định số 113/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bổ sung một số chính sách như hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, hỗ trợ phát triển các ngành nghề truyền thống.

- Có chính sách khuyến khích đầu tư phát triển lâm nghiệp để khai thác hiệu quả vốn rừng, tạo điều kiện cho người dân có cơ hội giảm nghèo bền vững; tăng cường chính sách giao đất, giao rừng cho người dân quản lý.

Trên đây là những kết quả đạt được trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi trong việc thực hiện các cơ chế, chính sách giáp Tây Nguyên và những kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách mới giai đoạn 2012-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

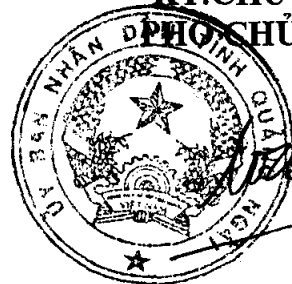
**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Vụ KTĐPLT-Bộ KHĐT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động-TB và Xã hội;
- UBND 06 huyện miền núi;
- VPUB: C, PVP (MN), TH, CB;
- Lưu: VT, ĐNMN (Ts260)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Thị Loan**